TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2019/DS-ST
Ngày: 26/11/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tín dụng)"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG - TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Lê Hoàng Vũ**.

2/ Bà **Hà Thị Lệ Thi.**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Út Sang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng*** *tham gia phiên toà:* Bà: **Nguyễn Thị Kiều Hoa**- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2019/TLST-DS, ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tín dụng)"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**

Trụ sở: Số 266 – 268 N, phường 8, quận 3, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức T.** Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Thái B**. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Kiên Giang .

(Theo văn bản ủy quyền số:4049/2018/GUQ-PL, ngày 10 tháng 12 năm 2018).

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông **Võ Hoàng T**. (Có mặt)

Chức vụ: Phó trưởng Phòng giao dịch Ngân hàng TMCP S huyện Vĩnh Thuận.

(Theo văn bản ủy quyền số: 01/GUQ-CNKG, ngày 03 tháng 01 năm 2019)

2. Bị đơn: Vợ chồng bà **M**, sinh năm 1962 và ông **C**, sinh năm 1965. (Cả hai đều vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C A, xã T, huyện U, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trình bày:

Ngày 13/9/2018, vợ chồng ông C, bà M (ông C, bà M) có ký giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm khế ước nhận nợ số LD 1825600738 vay của Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất 24%/năm, phương thức trả gốc lãi hàng tháng theo dư nợ giảm dần, mỗi tháng trả gốc là 2.083.000đ và lãi phát sinh theo hợp đồng. Mục đích vay là vay chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và vay tín chấp, không có tài sản bảo đảm.

Sau khi được giải ngân số tiền vay nêu trên ông C, bà M liên tục vi phạm không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo đúng hợp đồng, từ khi vay cho đến nay ông C, bà M chưa trả nợ cho Ngân hàng được số tiền nào.

Từ ngày 13/10/2018, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ trên sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 05/03/2019 ông C, bà M còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 56.883.300đ. Trong đó, nợ gốc là 50.000.000đ, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 6.883.000đ, do trong quá trình vay ông C, bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông C, bà M trả số nợ vay tính đến ngày 05/03/2019 là 56.883.300đ và tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất đã ghi trong hợp đồng tín dụng ký với Ngân hàng cho đến khi trả dứt nợ.

*Bị đơn ông **C**, bà **M***: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các thủ tục tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho ông C, bà M biết để tham gia giải quyết vụ án nhưng những người này vắng mặt, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án mà chỉ lập các thủ tục đầy đủ để làm cơ sở đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng yêu cầu giải quyết buộc ông C, bà M trả số tiền nợ tổng cộng tính đến ngày là 26/11/2019 là 70.140.114đ, trong đó: Nợ gốc là 50.000.000đ, lãi trong hạn 14.005.479đ và lãi quá hạn là 6.134.635đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP S cho đến khi trả dứt nợ.

Bị đơn ông C, bà M vắng mặt tại phiên tòa.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với vợ chồng ông C, bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự, nơi bị đơn cư trú tọa lạc trên địa phận hành chính của huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông C, bà M thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, giao dịch này thực hiện từ năm 2018 cho đến nay nên được điều chỉnh theo quy định tại Điều 463 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông C, bà M được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông C, bà M.

[4] Xét về nội dung vụ án: Ngày 13/9/2018 ông C, bà M (sau đây gọi tắt là ông C, bà M) có ký giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm khế ước nhận nợ số LD 1825600738 vay của Ngân hàng TMCP S số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất 24%/năm, phương thức trả gốc lãi hàng tháng theo dư nợ giảm dần. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C, bà M thực hiện việc trả nợ không đúng như thỏa thuận trong hợp đồng. Cụ thể, đến thời điểm hiện tại ông C, bà M còn nợ lại số tiền gốc là 50.000.000đ, lãi trong hạn 14.005.479đ và quá hạn là 6.134.635đ chưa thanh toán. Ông C, bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng tại khoản 4 Điều 1 của các điều khoản chung về cấp tín dụng số LD 1825600738 ngày 13/9/2018. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đòi ông C, bà M trả số tiền 70.140.114đ là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

[5] Về trách nhiệm trả nợ: Xét thấy, giấy đề nghị vay vốn kiêm đồng tín dụng, kiêm khế ước nhận nợ số LD1825600738 ngày 13/9/2018 do Ngân hàng cung cấp cho

Tòa án có chữ ký của ông C, bà M. Vì vậy ông C, bà M cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP S.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm vụ án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nên bị đơn ông C, bà M phải chịu án phí sơ thẩm.

Số tiền án phí ông C, bà M phải chịu là 70.140.114đ x 5% = 3.507.005đ, làm tròn 3.507.000đ (Ba triệu năm trăm lẻ bảy ngàn đồng).

Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.422.000đ (Một triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002958 ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông C, bà M.

2. Buộc ông C, bà M trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tính đến ngày 26/11/2019 là 70.140.114đ (Bảy mươi triệu, một trăm bốn mươi ngàn, một trăm mười bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là 50.000.000đ, lãi trong hạn 14.005.479đ và lãi quá hạn là 6.134.635đ.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông C, bà M phải nộp toàn bộ án phí là 3.507.000đ (Ba triệu năm trăm lẻ bảy ngàn đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.422.000đ (Một triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002958 ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện của nguyên đơn, báo cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/11/2019). Đối

với bị đơn ông C, bà M vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc tống đạt hợp lệ Bản án.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện;*
- *THADS huyện;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Quốc Thịnh